TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **238**/2025/DS-ST
Ngày: 11/4/2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên
2. Ông Đặng Văn Ẩn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Phước – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 161/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 134/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng TMCP N.**

Địa chỉ trụ sở: T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Quang D**. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Chi nhánh thực hiện khởi kiện: **Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh T.**

Địa chỉ trụ sở chi nhánh: P, KDC H, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Ngọc H**. Chức vụ: Giám đốc (theo Giấy ủy quyền số 628/UQ-V-PC ngày 15/10/2021 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP N).

Ủy quyền lại cho (theo Giấy ủy quyền số 85/UQ-TSG-LHP ngày 18/01/2024):

1/ Ông **Trịnh Ngọc H**. Chức vụ: Phó Giám đốc – Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh T. Hoặc:

2/ Ông **Trần Minh T**. Chức vụ: Trưởng phòng Giao dịch L thuộc Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh T – Có mặt.

Cùng địa chỉ: P, KDC H, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Phương T**, sinh năm 1989 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Số ** V, phường V, Quận **, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo Đơn khởi kiện ngày 15/01/2024, các bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng TMCP N có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Minh T trình bày*:**

Khách hàng là bà Nguyễn Phương T vay vốn và phát hành thẻ tín dụng tại Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh T theo hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng cho vay số 051/TSG-LHP/22TDH ngày 07/06/2022 với số tiền vay: 1.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ năm trăm triệu đồng), mục đích: Thanh toán tiền mua Thửa đất số 627, Tờ bản đồ số 27, tại địa chỉ: Xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; Thời hạn cấp tín dụng: 240 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng hiện nay là 9%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

+ Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng ngày 09/08/2022: Loại thẻ: Thẻ tín dụng Visa Platinium; Tổng hạn mức thẻ tín dụng là 80.000.000 đồng; mục đích: Tiêu dùng cá nhân.

Toàn bộ dư nợ tại V Chi nhánh T của Khách hàng được đảm bảo bằng tài sản sau: Thửa đất số 387, Tờ bản đồ số: 45; Địa chỉ: Xã Lộc Tân, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, diện tích: 193,5m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DB 951487, số vào sổ cấp GCN: CS 08458 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 09/04/2021, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 19/05/2022. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 036/HĐTC-LHP/22 ngày 07/06/2022 được ký giữa bà Nguyễn Phương T và Ngân hàng TMCP N Chi nhánh T – PGD L do VPCC Phạm Thị T – Tỉnh Lâm Đồng chứng nhận, số công chứng 5173, quyển số 03/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/06/2022; Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng ngày 07/06/2022. Bên thế chấp: Bà Nguyễn Phương T. Trị giá tài sản bảo đảm: 2.155.654.000 đồng.

Khi khoản vay đến hạn thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh, bà Nguyễn Phương T đã không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho V T theo các thỏa thuận đã ký, dẫn tới khoản vay của Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 051/TSG-LHP/22TDH ký ngày 07/06/2022 bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 14/03/2023.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay vốn số 051/TSG-LHP/22TDH ký ngày 07/06/2022 trị giá 1.500.000.000 đồng thì bà T đã trả được số tiền nợ gốc là 93.750.000 đồng, 161.009.735 đồng tiền lãi trong hạn và 155.091 đồng tiền lãi quá hạn. Dư nợ còn lại của Hợp đồng cho vay số 051/TSG-LHP/22TDH ký ngày 07/06/2022 tạm tính đến ngày 19/01/2025 là: Nợ gốc 1.406.250.000 đồng; nợ lãi trong hạn 188.053.253 đồng và lãi quá hạn 3.015.666 đồng.

Ngày 09/08/2022, bà Nguyễn Phương T có ký với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương CN T – PGD L (Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng Visa Platinium (Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng Quốc tế V Visa Platinium) với tổng hạn mức sử dụng thẻ là: 80.000.000 đồng, mục đích: Tiêu dùng cá nhân. Dư nợ thẻ tín dụng VP01702607030 của

bà T còn thiếu chưa thanh toán tạm tính đến ngày 19/01/2025 là: 114.298.623 đồng, trong đó bao gồm: dư nợ gốc 78.395.560 đồng, lãi và phí chậm thanh toán là 35.903.063 đồng.

Như vậy tổng số tiền của Khách hàng tại V T còn thiếu chưa thanh toán tạm tính đến ngày 19/01/2025 theo các hợp đồng nêu trên là: 1.711.617.542 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm mười một triệu, sáu trăm mười bảy nghìn, năm trăm bốn mươi hai đồng), trong đó: Hợp đồng cho vay số 051/TSG-LHP/22TDH ký ngày 07/06/2022: Nợ gốc: 1.406.250.000 đồng, Nợ lãi & lãi quá hạn: 191.068.919 đồng; Dư nợ thẻ tín dụng VP01702607030: 114.298.623 đồng.

Việc bà Nguyễn Phương T không trả nợ đúng hạn cho V T là vi phạm các điều khoản đã ký trong Hợp đồng cho vay số 051/TSG-LHP/22TDH ngày 07/06/2022 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết như sau :

1/ Buộc bà Nguyễn Phương T phải thanh toán cho V T tạm tính đến hết ngày 19/01/2025 tổng số tiền là: 1.711.617.542 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm mười một triệu, sáu trăm mười bảy nghìn, năm trăm bốn mươi hai đồng), trong đó:

+ Hợp đồng cho vay số 051/TSG-LHP/22TDH ký ngày 07/06/2022: Nợ gốc: 1.406.250.000 đồng; Nợ lãi & lãi quá hạn: 191.068.919 đồng.

+ Dư nợ thẻ tín dụng VP01702607030: 114.298.623 đồng.

Và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng nêu trên từ ngày 20/01/2025 cho đến khi Khách hàng thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo các hợp đồng nêu trên.

2/ Trường hợp bà Nguyễn Phương T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên xử lý tài sản bảo đảm của bà Nguyễn Phương T theo Hợp đồng thế chấp sau để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật: Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 036/HĐTC-LHP/22 ngày 07/06/2022 được ký giữa bà Nguyễn Phương T và Ngân hàng TMCP N Chi nhánh T – PGD L do VPCC Phạm Thị Thùy – tỉnh Lâm Đồng chứng nhận, số công chứng 5173, quyển số 03/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/06/2022; Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng ngày 07/06/2022.

3/ Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm nêu trên không đủ trả nợ thì Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Nguyễn Phương T để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Phương T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến hay yêu cầu của mình đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn, cũng không giao nộp cho Tòa án bất kỳ tài liệu chứng cứ nào.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N trình bày yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1/ Buộc bà Nguyễn Phương T phải thanh toán cho V T tạm tính đến hết ngày 10/4/2025 tổng số tiền là: 1.751.865.144 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm năm mươi

mốt triệu, tám trăm sáu mươi lăm ngàn, một trăm bốn mươi bốn đồng), trong đó:

+ Hợp đồng cho vay số 051/TSG-LHP/22TDH ký ngày 07/06/2022: Nợ gốc 1.406.250.000 đồng; Nợ lãi & lãi quá hạn 220.234.929 đồng.

+ Dư nợ thẻ tín dụng VP01702607030 (theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiêm hợp đồng ngày 09/8/2022) tổng số tiền: 125.380.215 đồng, trong đó: Dư nợ gốc 78.395.560 đồng; dư nợ phí và lãi: 46.984.655 đồng (gồm: Lãi 19.628.591 đồng, Phí 27.356.064 đồng).

2/ Buộc bà Nguyễn Phương T còn phải thanh toán toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng nêu trên từ ngày 11/4/2025 cho đến khi Khách hàng thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo các hợp đồng nêu trên.

3/ Trường hợp bà Nguyễn Phương T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại, xử lý tài sản bảo đảm của bà Nguyễn Phương T là: Thửa đất số 387, Tờ bản đồ số: 45; Địa chỉ: Xã Lộc Tân, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, diện tích: 193,5m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DB 951487, số vào sổ cấp GCN: CS 08458 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 09/04/2021, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 19/05/2022. Theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 036/HĐTC-LHP/22 ngày 07/06/2022 được ký giữa bà Nguyễn Phương T và Ngân hàng TMCP N Chi nhánh T – PGD L do VPCC Phạm Thị Thùy – tỉnh Lâm Đồng chứng nhận, số công chứng 5173, quyển số 03/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/06/2022; Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng ngày 07/06/2022 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

4/ Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm nêu trên không đủ trả nợ thì Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Nguyễn Phương T để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Phương T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến hay yêu cầu của mình đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu quan điểm:

- Về tuân theo tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, về thời hạn giải quyết chưa bảo đảm đúng thời hạn.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết Tòa án:

Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh T (viết tắt là V T) khởi kiện bà Nguyễn Phương T yêu cầu thanh toán khoản tiền vay với mục đích để thanh toán tiền mua nhà/đất. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Căn cứ theo khoản 14.1 Điều 14 của Hợp đồng cho vay số 051/TSG-LHP/22TDH ngày 07/06/2022 (được ký giữa bà Nguyễn Phương T và Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh T) có quy định: *"14.1. Giải quyết tranh chấp: Hợp đồng này, các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng này được điều chỉnh, giải thích theo pháp luật Việt Nam. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này được giải quyết trên cơ sở thương lượng giữa các bên. Trong trường hợp thương lượng hoặc hòa giải không thành thì các bên có quyền đưa vụ tranh chấp đó ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật".*

Căn cứ theo Đơn khởi kiện của nguyên đơn và Quyết định về việc thành lập Chi nhánh V T số 3510/QĐ-V.TCCB ngày 04/12/2015, Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh T có trụ sở chi nhánh tọa lạc tại địa chỉ: P, khu dân cư H, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn bà Nguyễn Phương T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản sau: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập đương sự nhiều lần bị đơn nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết vụ án, không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến hay yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không giao nộp cho Tòa án bất kỳ tài liệu chứng cứ nào. Điều này chứng tỏ bị đơn không có thiện chí trả nợ cho nguyên đơn, đồng thời cũng không có ý thức tôn trọng pháp luật. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu chứng cứ đã thu thập được để giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án và yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bản tự khai và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP N có cơ sở xác định: Bà Nguyễn Phương T và Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh T đã ký kết hợp đồng vay vốn và phát hành thẻ tín dụng, chi tiết như sau: Ngày 07/6/2022, hai bên ký Hợp đồng cho vay số 051/TSG-LHP/22TDH với số tiền vay: 1.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ năm trăm triệu đồng), mục đích: Thanh toán tiền mua Thửa đất số 627, Tờ bản đồ số 27, tại địa chỉ: Xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; Thời hạn cấp tín dụng: 240 tháng. Ngày 09/8/2022, hai bên ký Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng (Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiêm hợp đồng ngày 09/8/2022): Loại thẻ: Thẻ tín dụng Visa Platinium; Tổng hạn mức thẻ tín dụng là 80.000.000 đồng; mục đích: Tiêu dùng cá nhân. Để đảm bảo cho khoản vay trên, bà Nguyễn Phương T đã ký với Ngân hàng TMCP N Chi nhánh T – PGD L Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 036/HĐTC-LHP/22 ngày

07/06/2022. Tài sản bảo đảm của bà Nguyễn Phương T tại V Chi nhánh T là: Thửa đất số 387, Tờ bản đồ số: 45; Địa chỉ: Xã Lộc Tân, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DB 951487, số vào sổ cấp GCN: CS 08458 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 09/04/2021, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 19/05/2022.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tính đến nay, bà Nguyễn Phương T đã thanh toán cho V T số tiền như sau: Hợp đồng cho vay số 051/TSG-LHP/22TDH ký ngày 07/06/2022 trị giá 1.500.000.000 đồng thì bà T đã trả được tổng số tiền là: 254.914.826 đồng, trong đó: tiền nợ gốc 93.750.000 đồng, tiền lãi trong hạn 161.009.735 đồng và tiền lãi quá hạn 155.091 đồng. Khi khoản vay đến hạn thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh, bà Nguyễn Phương T đã không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho V T theo các thỏa thuận đã ký, dẫn tới khoản vay của Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 051/TSG-LHP/22TDH ký ngày 07/06/2022 bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 14/03/2023.

Tính đến hết ngày 10/4/2025, tổng số tiền của bà T tại V T còn thiếu chưa thanh toán theo các hợp đồng nêu trên là: 1.751.865.144 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm năm mươi mốt triệu, tám trăm sáu mươi lăm ngàn, một trăm bốn mươi bốn đồng), trong đó: Hợp đồng cho vay số 051/TSG-LHP/22TDH ký ngày 07/06/2022: Nợ gốc 1.406.250.000 đồng, Nợ lãi và lãi quá hạn 220.234.929 đồng; và Dư nợ thẻ tín dụng VP01702607030 (theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiêm hợp đồng ngày 09/8/2022) là: 125.380.215 đồng, gồm: Dư nợ gốc 78.395.560 đồng, dư nợ phí và lãi: 46.984.655 đồng.

[3.1] Về yêu cầu trả nợ tiền gốc của nguyên đơn:

- Căn cứ Hợp đồng cho vay số 051/TSG-LHP/22TDH ký ngày 07/06/2022 và Giấy nhận nợ số 01 ngày 09/6/2022 được ký kết giữa hai bên thể hiện nguyên đơn đã cho bị đơn vay số tiền 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu) đồng. Như vậy, nguyên đơn Ngân hàng TMCP N đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận.

- Căn cứ vào thời hạn trả nợ và lời khai của nguyên đơn thể hiện đến thời điểm hiện nay bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc: Hợp đồng cho vay số 051/TSG-LHP/22TDH ký ngày 07/06/2022: Nợ gốc 1.406.250.000 đồng; và Dư nợ thẻ tín dụng VP01702607030 (theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiêm hợp đồng ngày 09/8/2022): Dư nợ gốc là 78.395.560 đồng. Tổng số tiền nợ gốc theo các hợp đồng nêu trên là 1.484.645.560 đồng.

- Căn cứ theo quy định tại Điều 11.1 và Điều 13.1.1 và Điều 13.2 của Hợp đồng cho vay số 051/TSG-LHP/22TDH ngày 07/06/2022 đã ký kết giữa hai bên thể hiện bị đơn đã vi phạm thời hạn trả nợ gốc và nợ lãi cho nguyên đơn nên nguyên đơn có quyền chấm dứt việc cho vay và thu hồi nợ trước hạn.

- Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn…*". Căn cứ Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "*1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc…".*

- Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *"1. Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng. 2. Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua bán nợ của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà*

nước; 3. Trong trường hợp khách hàng vay hoặc người bảo đảm không trả được nợ do bị phá sản, việc thu hồi nợ của tổ chức tín dụng được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản; 4. Tổ chức tín dụng có quyền quyết định miễn, giảm lãi suất, phí cho khách hàng theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng."

Căn cứ vào các quy định trên của hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết và căn cứ vào các quy định của pháp luật có cơ sở xác định bà Nguyễn Phương T đã vi phạm thỏa thuận trả nợ, mặc dù đã được Ngân hàng TMCP N thông báo nhắc nợ nhiều lần nhưng phía bị đơn vẫn không có thiện chí thanh toán đầy đủ nợ cho Ngân hàng. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc (tạm tính đến hết ngày 10/4/2025) là: 1.484.645.560 đồng (trong đó nợ gốc Hợp đồng cho vay số 051/TSG-LHP/22TDH ngày 07/06/2022 là 1.406.250.000 đồng; nợ gốc thẻ tín dụng VP01702607030 theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiêm hợp đồng ngày 09/8/2022 là 78.395.560 đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn: Dư nợ lãi được nguyên đơn xác định tạm tính đến hết ngày 10/4/2025 như sau: Dư nợ lãi của Hợp đồng cho vay số 051/TSG-LHP/22TDH ngày 07/06/2022 là 220.234.929 đồng (trong đó nợ lãi trong hạn 216.139.726 đồng, nợ lãi quá hạn 4.095.203 đồng); và Dư nợ lãi và phí của thẻ tín dụng VP01702607030 (theo đơn Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiêm hợp đồng ngày 09/8/2022) là 46.984.655 đồng (trong đó lãi thẻ 19.628.560 đồng, phí thẻ 27.356.064 đồng).

- Căn cứ vào khoản 6.1 Điều 6 của Hợp đồng tín dụng số 051/TSG-LHP/22TDH ngày 07/06/2022 và Giấy nhận nợ số 01 ngày 09/6/2022 ký kết giữa hai bên thể hiện lãi suất vay trong hạn các bên thỏa thuận tại thời điểm giải ngân như sau: Lãi suất cho vay là 8,09%/năm cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất thời gian tiếp theo: Bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả cuối kỳ của áp dụng cho khách hàng cá nhân của V cộng (+) 3,5%/năm nhưng không thấp hơn sàn cho vay cùng kỳ hạn của sản phẩm theo thông báo của V tại thời điểm đó. Kỳ điều chỉnh lãi suất sau thời hạn ưu đãi: 03 tháng/lần. Theo đó, nợ lãi trong hạn của bị đơn theo Hợp đồng cho vay số 051/TSG-LHP/22TDH ngày 07/06/2022 là 216.139.726 đồng và Thẻ tín dụng VP01702607030 (theo đơn Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiêm hợp đồng ngày 09/8/2022) là 19.628.560 đồng.

- Căn cứ khoản 6.2 và khoản 6.3 Điều 6 Hợp đồng tín dụng số 051/TSG-LHP/22TDH ngày 07/06/2022 và Giấy nhận nợ số 01 ngày 09/6/2022 ký kết giữa hai bên quy định mức lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Theo đó, nợ lãi quá hạn của bị đơn là 4.095.203 đồng.

- Căn cứ theo khoản 13.2 Điều 13 của Hợp đồng tín dụng số 051/TSG-LHP/22TDH ngày 07/06/2022 quy định: *"...Khách hàng đồng ý việc Ngân hàng chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà Khách hàng không trả được nợ trước hạn và áp dụng lãi suất đối với Dư nợ gốc bị quá hạn quy định tại khoản 6.2 Điều 6 của Hợp đồng này".*

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "*2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác".*

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".*

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy, việc các bên thỏa thuận về lãi suất trong Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ kèm theo hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên là hoàn toàn phù hợp. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi tạm tính đến hết ngày 10/4/2025 gồm: Dư nợ lãi của Hợp đồng cho vay số 051/TSG-LHP/22TDH ngày 07/06/2022 là 220.234.929 đồng; Dư nợ lãi và phí của thẻ tín dụng VP01702607030 (theo đơn Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiêm hợp đồng ngày 09/8/2022) là 46.984.655 đồng là hoàn toàn có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về yêu cầu buộc bị đơn còn phải thanh toán toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn và phí phát sinh đối với toàn bộ số nợ còn lại theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho nguyên đơn:

Căn cứ theo khoản 13.2 Điều 13 của Hợp đồng tín dụng số 051/TSG-LHP/22TDH ngày 07/06/2022 quy định: *"...Ngân hàng có quyền yêu cầu Khách hàng phải trả số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn theo thông báo bằng văn bản của Ngân hàng về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn. Khách hàng đồng ý việc Ngân hàng chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà Khách hàng không trả được nợ trước hạn và áp dụng lãi suất đối với Dư nợ gốc bị quá hạn quy định tại khoản 6.2 Điều 6 của Hợp đồng này".*

Căn cứ theo Điều 13.3.2 của Hợp đồng tín dụng số 051/TSG-LHP/22TDH ngày 07/06/2022 ký kết giữa hai bên quy định: *"Khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào quy định tại khoản 13.1 Điều 13 Hợp đồng này, Ngân hàng được chủ động áp dụng một, một số hoặc tất cả biện pháp dưới đây để xử lý nợ vay: Yêu cầu Khách hàng ngay lập tức trả nợ gốc, Lãi tiền vay, phí và tất cả các nghĩa vụ khác (nếu có) phát sinh theo hợp đồng này và/hoặc các văn bản, giấy tờ liên quan".*

Vì vậy, nguyên đơn buộc bị đơn bà Nguyễn Phương T còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP N toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn và phí phát sinh đối với toàn bộ số nợ còn lại theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 051/TSG-LHP/22TDH ký ngày 07/06/2022 và Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng (Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiêm hợp đồng ngày 09/8/2022) đã ký kết giữa hai bên kể từ ngày 11/4/2025 cho đến khi Khách hàng thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3.4]. Về tài sản bảo đảm cho khoản vay của bà Nguyễn Phương T tại Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh T – Phòng GD L: Để đảm bảo cho khoản vay tín dụng, bà Nguyễn Phương T đã thế chấp cho V – Chi nhánh T – PGD L tài sản là: Thửa đất số 387, Tờ bản đồ số: 45; Địa chỉ: Xã Lộc Tân, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, diện tích: 193,5m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DB 951487, số vào sổ cấp GCN: CS 08458 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 09/04/2021, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 19/05/2022. Tài sản trên được thế chấp tại Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh T – PGD L theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 036/HĐTC-LHP/22 ngày 07/06/2022, được công chứng tại Văn phòng công chứng Phạm Thị Thùy, tỉnh Lâm Đồng, số công chứng 5173, quyển số 03/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/06/2022; Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng ngày 07/06/2022.

[3.5]. Về yêu cầu nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại, xử lý tài sản bảo đảm bà Nguyễn Phương T đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh T để thu hồi nợ: Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 387, Tờ bản đồ số: 45; Địa chỉ: Xã Lộc Tân, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, diện tích: 193,5m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở

và tài sản khác gắn liền với đất số: DB 951487, số vào sổ cấp GCN: CS 08458 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 09/04/2021, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 19/05/2022 cho bà Nguyễn Phương T. Như vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 16 Điều 3 Luật đất đai 2013 có cơ sở xác định bà Nguyễn Phương T là chủ sử dụng và chủ sở hữu hợp pháp đối với quyền sử dụng đất đã thế chấp cho Ngân hàng. Vì vậy, bà Nguyễn Phương T có quyền thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên theo quy định tại Điều 188 Luật đất đai năm 2013. Tài sản thế chấp được đăng ký biện pháp bảo đảm theo đúng quy định tại Điều 317, Điều 318, Điều 323 Bộ luật Dân sự 2015 nên phát sinh hiệu lực thực hiện.

Căn cứ vào Điều 4.1.a; Điều 4.4.a; Điều 4.4.b; Điều 4.4.e – Phần I – Các Điều khoản chung của Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 036/HĐTC-LHP/22 ngày 07/06/2022 ký kết giữa hai bên quy định nguyên đơn có quyền quyết định, lựa chọn phương thức xử lý tài sản thế chấp và được toàn quyền quyết định giá xử lý tài sản thế chấp.

Căn cứ vào Điều 4.8.a – Phần I – Các Điều khoản chung của Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 036/HĐTC-LHP/22 ngày 07/06/2022 ký kết giữa hai bên quy định: *"Nếu số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản bảo đảm theo quy định tại Hợp đồng không đủ thanh toán các chi phí và nghĩa vụ được bảo đảm theo quy định tại Hợp đồng thì Bên bảo đảm (trong trường hợp Bên bảo đảm đồng thời là khách hàng) vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ phần còn thiếu đó. Trường hợp Bên bảo đảm không đồng thời là khách hàng thì khách hàng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ phần còn thiếu đó".*

Vì vậy, trường hợp bà Nguyễn Phương T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ trên thì Ngân hàng TMCP N được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện kê biên, phát mãi, xử lý tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 036/HĐTC-LHP/22 ngày 07/06/2022 cho Ngân hàng TMCP N để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Cụ thể tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng tại Thửa đất số 387, Tờ bản đồ số: 45; Địa chỉ: Xã Lộc Tân, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, diện tích: 193,5m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DB 951487, số vào sổ cấp GCN: CS 08458 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 09/04/2021, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 19/05/2022 cho bà Nguyễn Phương T.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm nêu trên được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Phương T đối với Ngân hàng TMCP N. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ của bị đơn thì Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiếp tục kê biên, phát mãi, xử lý các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Nguyễn Phương T để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

[4] Từ những phân tích và nhận định trên, đồng thời xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Hội đồng xét xử xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã tạm ứng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 280, Điều 317, Điều 318, Điều 323, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N đối với bị đơn bà Nguyễn Phương T.

2. Buộc bà Nguyễn Phương T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP N với tổng số tiền nợ tạm tính đến hết ngày 10/4/2025 là: 1.751.865.144 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm năm mươi mốt triệu, tám trăm sáu mươi lăm ngàn, một trăm bốn mươi bốn đồng), trong đó: Hợp đồng cho vay số 051/TSG-LHP/22TDH ngày 07/06/2022: Nợ gốc 1.406.250.000 đồng, Nợ lãi và lãi quá hạn 220.234.929 đồng; Dư nợ thẻ tín dụng VP01702607030 (theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiêm hợp đồng ngày 09/8/2022) là: 125.380.215 đồng (trong đó: Dư nợ gốc 78.395.560 đồng, dư nợ phí và lãi 46.984.655 đồng).

3. Buộc bà Nguyễn Phương T còn phải thanh toán toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng số 051/TSG-LHP/22TDH ngày 07/06/2022 và Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng (Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiêm hợp đồng ngày 09/8/2022) kể từ ngày 11/4/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Trường hợp bà Nguyễn Phương T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện kê biên, phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm của bà Nguyễn Phương T là: Quyền sử dụng tại Thửa đất số 387, Tờ bản đồ số: 45; Địa chỉ: Xã Lộc Tân, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, diện tích: 193,5m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DB 951487, số vào sổ cấp GCN: CS 08458 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 09/04/2021, cập nhật thay đổi chủ sở

hữu ngày 19/05/2022 theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 036/HĐTC-LHP/22 ngày 07/06/2022 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

5. Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm nêu trên được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Phương T đối với Ngân hàng TMCP N. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ của bị đơn thì Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiếp tục kê biên, phát mãi, xử lý các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Nguyễn Phương T để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

6. Án phí dân sự sơ thẩm:

6.1. Bà Nguyễn Phương T phải chịu 64.555.954 (Sáu mươi bốn triệu, năm trăm năm mươi lăm ngàn, chín trăm năm mươi bốn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6.2. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 29.269.476 (Hai mươi chín triệu hai trăm sáu mươi chín ngàn bốn trăm bảy mươi sáu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23P/0033237 ngày 23/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Về quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

8. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự (2);
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp (2);
- Chi Cục Thi hành án dân sự cùng cấp (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (5).

000013 382207

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Huyền